TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST Ngày: 07- 8 - 2019 *V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Du;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H , sinh năm 1991; địa chỉ: Số 879, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh V; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm 1988; HKTT: Ấp 5, xã H, huyện X, tỉnh B. Tạm trú: Số 300/1, đường P, khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 05/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn N H trình bày:*

Bà Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn N tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã p, huyện l, tỉnh s vào ngày 29/9/2011. Trong quá trình

chung sống, thời gian đầu cuộc sống gia đình êm ấm, hạnh phúc nhưng sau một thời gian thì bà H và ông N thường xuyên bất đồng quan điểm và lối sống, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Trước đây bà H đã nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông N nhưng vì thương con và muốn hàn gắn gia đình nên bà H đã rút đơn khởi kiện nhưng ông N vẫn không thay đổi, hiện nay bà H đã đưa con chung về nhà mẹ ruột bà H tại V sinh sống. Nhận thấy, tình cảm của bà H dành cho ông N không còn nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N. Về con chung: Bà H và ông N có một con chung là cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 22/4/2012. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn N*: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng các quy định tại các Điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng. Về mặt nội dung: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung, nhận thấy bà H có nguyện vọng nuôi con, ông N không có ý kiến về con chung nên việc bà H yêu cầu nuôi con chung là có cơ sở theo Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn N H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại xã P, huyện L, tỉnh S vào ngày 29/9/2011 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên đơn bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống gia đình êm ấm, hạnh phúc nhưng sau một thời gian thì bà H và ông N thường xuyên bất đồng quan điểm và lối sống, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Trước đây bà H đã nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông N nhưng vì thương con và muốn hàn gắn gia đình nên bà H đã rút đơn khởi kiện nhưng ông N vẫn không thay đổi. Đến nay, tình cảm của bà H dành cho ông N không còn nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ngọc.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần triệu tập ông N đến làm việc nhưng ông N không đến và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào, chứng tỏ ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có một con chung là cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 22/4/2012, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy cháu T còn nhỏ, hiện đang sống cùng bà H và cháu T có nguyện vọng được sống chung với bà H . Trong quá trình giải quyết ông N không có ý kiến về con chung nên việc bà H yêu cầu nuôi con chung là có cơ sở theo Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Ông N được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Nguyễn Tuấn Thịnh, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H đối với bị đơn ông Nguyễn N về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn N.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh S cấp cho ông Nguyễn N và bà Nguyễn Ngọc H ngày 29/9/2011 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 22/4/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Nguyễn Tuấn T, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc H phải nộp số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016-0033860 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND xã P, huyện L, tỉnh S;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hoa Hạnh